

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2026/HNGĐ - ST**
Ngày 20 - 8 - 2026
V/v: *Không công nhận quan hệ
vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Trung Lợi;
2. Bà Hoàng Thị Minh Tinh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lý A Đà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2026/TLST - HNGĐ, ngày 18/5/2026 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXX ST- HNGĐ ngày 20/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giàng Thị B, sinh năm 1977; số định danh cá nhân: 015177007699; địa chỉ: Thôn C, xã C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt - Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Giàng A A, sinh năm 1986; số định danh cá nhân: 015086011336; địa chỉ: Thôn D, xã M, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt - Không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và Biên bản lấy lời khai chị Giàng Thị B trình bày: Chị và anh Giàng A A chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5 năm 2017, chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới chị B và anh Giàng A A chung sống tại thôn C, xã C, tỉnh Lào Cai. Đến tháng 8/2017 anh Giàng A A bỏ nhà đi cho đến nay. Nay chị Giàng Thị B xác định không còn tình cảm với anh Giàng A A nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Giàng A A.

Về con chung: Chị Giàng Thị B và anh Giàng A A không có con chung; Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chị Giàng Thị BẦU K yêu cầu giải quyết.

Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Giàng A A không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 19/5/2026, Trưởng thôn Đào Xa, xã M cung cấp nội dung: Anh Giàng A A biết việc chị Giàng Thị B đề nghị Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng nhưng vẫn cố tình lẩn tránh, hiện nay không biết anh Giàng A A ở đâu.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kê từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị B và anh Giàng A A.

+ Về con chung: Chị Giàng Thị B và anh Giàng A A không có con chung.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Giàng Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Giàng A A đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn D, xã M, tỉnh Lào Cai vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Giàng A A vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Giàng Thị B vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Giàng Thị B và anh Giàng A A.

[3] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Giàng Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Giàng A A. Anh chị sống chung như vợ chồng từ năm 2017, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định đây là quan hệ tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Giàng Thị B và anh Giàng A A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nội dung điều luật ghi “Việc kết hôn phải được đăng ký do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Chị Giàng Thị B và anh Giàng A A chung sống như vợ chồng từ tháng 5/2017, đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Giàng Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Giàng A A. Chị Giàng Thị B và anh Giàng A A không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng; việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn sẽ được Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị B và anh Giàng A A.

[4] *Về con chung*: Chị Giàng Thị B và anh Giàng A A không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Giàng Thị B và anh Giàng A A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Giàng Thị B là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực đặc biệt khó khăn được miễn nộp tiền án phí;

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị B và anh Giàng A A.

2. Về án phí: Chị Giàng Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Giàng Thị B và anh Giàng A A có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4, tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã Chế Tạo;
- UBND xã Mù Cang Chải;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Long